

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 13 - 12 - 2021.

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Huê.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, về tranh chấp “Kiện ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Trà M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 7, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKNKTT: tổ 7, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Nơi làm việc: Trung tâm Y tế Dự phòng thành phố Phủ Lý thuộc phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị Trà M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Anh T có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 07 năm, nên ngày 10/7/2008 hai bên đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn cũng được hai bên gia đình cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ anh T tại tổ 7, phường MK. Trong khoảng 10 năm đầu, cuộc sống chung của vợ chồng chị mặc dù cũng có những bất đồng nhưng không đến nỗi căng thẳng.

Tuy nhiên từ đầu năm 2018, anh T thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần, nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó, vợ chồng không còn hợp nhau về quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nữa. Do có nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 9 năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau, việc ai người đó làm và chấm dứt quan hệ vợ chồng. Đến nay, chị xác định tình cảm dành cho anh T không còn và mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Anh T1, sinh ngày 03/01/2010 (con trai), cháu Trần Vũ Tuệ N và cháu Trần Vũ An N đều là con gái và sinh cùng ngày 30/9/2015. Từ khi ly thân, chị nuôi 02 con gái Tuệ N và An N, còn anh T nuôi cháu T1. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị muốn được nuôi 02 cháu Tuệ N và An N vì các cháu còn nhỏ là chị em sinh đôi và lại là con gái nên chị không muốn tách các cháu ra và các cháu rất cần sự dạy bảo của người mẹ. Còn cháu Anh T1 là con trai sắp đến độ tuổi trưởng thành về tâm sinh lý nên chị đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do cả hai bên đều trực tiếp nuôi con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có, hiện nay chị không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn cũng như quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị M đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh là do chị M có quan hệ với người đàn ông khác. Mặc dù, anh đã tha thứ và khuyên can nhưng chị M vẫn tiếp tục qua lại với người đàn ông đó mà bỏ bê gia đình, con cái. Anh cũng xác định tình cảm dành cho chị M không còn nữa nhưng vì các con anh không muốn các cháu sống thiếu bố hoặc mẹ nên trước yêu cầu ly hôn của chị M anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Trần Anh T1, Trần Vũ An N, Trần Vũ Tuệ N là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh xin được nuôi cả 03 con chung vì anh không muốn chia cắt các cháu và anh không đề nghị chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng cũng không có là đúng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Trần Anh T1: Hiện nay, cháu đang học lớp 6 trường Trung học cơ sở Đinh Công Tráng, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam và cháu đang ở với bố cháu. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố là Trần Anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Chị M và anh T đều vắng mặt, tuy nhiên chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và các phiên tòa không có lý do

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Trà M.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Anh T.

- Về con chung: Giao anh Trần Anh T nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Anh T1 (con trai); giao chị Vũ Thị Trà M nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Vũ Tuệ N, Trần Vũ An N (đều là con gái) và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam và có nơi làm việc tại Trung tâm Y tế Dự phòng thành phố PL thuộc phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa cho anh Trần Anh T, nhưng anh Trần Anh T vắng mặt không có lý do; chị Vũ Thị Trà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Trà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau khoảng hơn 10 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra là khác nhau để bảo vệ quan điểm của mình nhưng do vợ chồng anh chị không thể hòa giải, hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay và được hai bên thừa nhận. Quá trình sống ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau, chị M xác định tình cảm dành cho anh T không còn nữa nên chị đề nghị ly hôn với anh T, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con cái mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị M, anh T không còn tình cảm dành cho nhau, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Trà M.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là cháu Trần Anh T1, sinh ngày 03/01/2010 (con trai), cháu Trần Vũ Tuệ N, sinh ngày 30/9/2015 (con gái) và cháu Trần Vũ An N, sinh ngày 30/9/2015 (con gái). Xét nguyện vọng của chị M, anh T về việc xin nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu Trần Anh T1. Hội đồng xét xử thấy: nguyện vọng muốn nuôi con chung của anh chị đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ với con cái. Hiện nay, hai bên anh chị đều có việc làm và thu nhập ổn định. Theo quy định của pháp luật thì cha mẹ đều có quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà cháu Trần Anh T1 lớn hơn lại là con trai, còn các cháu Trần Vũ Tuệ N, Trần Vũ An N là con gái còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, cháu Trần Anh T1 có nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Anh T1, giao chị M chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Trần Vũ Tuệ N, Trần Vũ An N là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M và anh T cùng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, chị M và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Anh T.

[2] Về con chung: Giao anh Trần Anh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Anh T1, sinh ngày 03/01/2010 (con trai) cho đến khi cháu Trần Anh T1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao chị Vũ Thị Trà M được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Vũ Tuệ N, sinh ngày 30/9/2015 (con gái) và cháu Trần Vũ An N, sinh ngày 30/9/2015 (con gái), cho đến khi các cháu Trần Vũ Tuệ N, Trần Vũ An N trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Trà M phải nộp 300.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0006067 ngày 11/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Vũ Thị Trà M đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Trà M và anh Trần Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên